

Bản án số: 02/2020/DS-ST
Ngày: 31/3/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Nường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thị Bích Hường

Thư ký phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ: Không tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại hội trường Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 05/2021/ TLST-DS, ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/ QĐXXST-DS ngày 03/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T

Địa chỉ: khu đô thị Đ, phường Y, quận H, tHnh phố H Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Trọng L-Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị H - Nhân viên bán Hng/ có mặt.

Bị đơn: - Bà Ngô Thị Đ/ có mặt.

- Ông Hoàng Văn L/ vắng mặt lần thứ hai.

HKTT: Xóm N, xã H, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Bà Trịnh Thị H trình bày:

Ngày 16/9/2019 và ngày 02/12/2019 Công ty TNHH T và bà Ngô Thị Đ cùng chồng là ông Hoàng Văn L có ký hợp đồng kinh tế số 20190917/NTD-NW/2019 và hợp đồng kinh tế số 20190906-1/TT-NW/2019 về việc cung cấp thiết bị

chăn nuôi gà và các vật tư phát sinh thêm ngoài hợp đồng, theo đó Công ty T bán cho bà Đ và ông L hệ thống ăn, uống, quạt công nghiệp, tắm làm mát và công sửa chữa chuồng cũ. Công ty T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình với tổng giá trị là **345.000.000 đồng** vào tháng 12 năm 2019, thời hạn thanh toán toàn bộ hợp đồng là sau 60 ngày kể từ ngày vận hành, tuy nhiên đến nay đã quá hạn 01 năm bà Đ và ông L mới thanh toán cho Công ty T được **215.800.000 đồng**, còn lại **129.600.000 đồng** bà Đ và ông L không thanh toán cho Công ty T theo thỏa thuận giữa hai bên.

Nay Công ty TNHH T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L phải thanh toán ngay cho Công ty TNHH T số tiền còn nợ là **129.600.000 đồng**; buộc bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L phải trả tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Bị đơn là bà Ngô Thị Đ trình bày: Ngày 16/9/2019 và ngày 02/12/2019 Công ty TNHH T và vợ chồng bà có ký hợp đồng kinh tế số 20190917/NTD-NW/2019 và hợp đồng kinh tế số 20190906-1/TT-NW/2019 về việc cung cấp thiết bị chăn nuôi gà và các vật tư phát sinh thêm ngoài hợp đồng, theo đó Công ty T bán cho vợ chồng bà hệ thống ăn, uống, quạt công nghiệp, tắm làm mát và công sửa chữa chuồng cũ. Công ty T đã giao, lắp đặt thiết bị và sửa chữa chuồng trại với tổng giá trị là **345.000.000 đồng**, tuy nhiên vợ chồng bà mới thanh toán cho Công ty T được **215.800.000 đồng**, còn lại **129.600.000 đồng** do vợ chồng bà gặp khó khăn về kinh tế, chăn nuôi gặp rủi ro nên chưa thanh toán nốt được cho Công ty T, ngoài ra do Công ty bảo hành thiết bị không kịp thời cũng gây khó khăn cho việc chăn nuôi của vợ chồng bà. Vợ chồng bà xác định nợ thì sẽ phải trả nhưng đề nghị Công ty TNHH T gia hạn cho vợ chồng bà thêm ít nhất 05 tháng nữa vợ chồng bà sẽ thanh toán nốt cho tiền nợ cho Công ty và đề nghị Công ty không đòi tiền lãi chậm trả.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua cuộc thẩm tra tại phiên Tòa, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ nhận định:

[1]. **Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn có nơi cư trú rõ ràng tại xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, do đó thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Hoàng Văn L không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử vụ án, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Vì vậy HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn L.

[2]. **Về nội dung:** Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án xác định được ngày 16/9/2019 và ngày 02/12/2019 Công ty TNHH Thương mại và kỹ thuật Công nghệ T có ký hợp đồng kinh tế số 20190917/NTD-NW/2019 và hợp đồng kinh tế số 20190906-1/TT-NW/2019 với vợ chồng bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L về việc cung cấp thiết bị chăn nuôi gà và các vật tư phát sinh thêm ngoài hợp đồng, theo đó Công ty T bán cho bà Đ và ông L hệ thống ăn, uống, quạt công nghiệp, tấm làm mát và công sửa chữa chuồng cũ. Công ty T đã lắp đặt thiết bị và sửa chữa chuồng trại với tổng giá trị là **345.000.000 đồng**, tuy nhiên bà Đ và ông L mới thanh toán cho Công ty T được **215.800.000 đồng**, còn lại **129.600.000 đồng** bà Đ và ông L chưa thanh toán cho Công ty T. Nay Công ty TNHH T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L phải thanh toán ngay cho Công ty TNHH T số tiền còn nợ là **129.600.000 đồng**; buộc bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L phải trả tiền lãi chậm trả theo quy định của pháp luật tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty T thấy rằng Công ty T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình theo hợp đồng đã ký, giá trị khối lượng lắp đặt hoàn thành là **345.000.000 đồng** đã được bà Đ và ông L xác nhận nhưng đến nay vẫn còn nợ Công ty T **129.600.000 đồng**. Bà Đ và ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền, do đó yêu cầu khởi kiện của Công ty T là có căn cứ. Ngoài ra bị đơn cho rằng nguyên đơn bảo hành thiết bị không kịp thời gây khó khăn cho việc chăn nuôi của bị đơn nhưng không đưa ra được chứng cứ nào nên không có cơ sở xem xét.

Do bà Đ và ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự.

Từ nhận định trên, căn cứ vào các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự xét thấy yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T là có căn cứ chấp nhận, cần buộc bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L phải trả số tiền gốc **129.600.000 đồng** còn nợ và tiền lãi chậm

trả (129.600.000 đồng x 1 năm x 10%/ năm) = **12.960.000 đồng** cho Công ty TNHH Thương mại và kỹ thuật Công nghệ T, tổng cộng là **142.560.000 đồng**.

[3]. **Về án phí:** Bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, 39, 147, Điều 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, 440 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T.

[1]. Buộc bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L phải L đới trả cho Công ty TNHH T số tiền gốc còn nợ và tiền lãi chậm trả tổng cộng là **142.560.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty TNHH Thương mại và kỹ thuật Công nghệ T có đơn yêu cầu thi hành, bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L không tự nguyện thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

[2]. Án phí: Buộc bà Ngô Thị Đ và ông Hoàng Văn L phải nộp **7.128.000 đồng** tiền án phí DSST có giá ngạch nộp ngân sách Nhà nước. Hoàn trả Công ty TNHH T **3.250.000 đồng** tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ theo biên lai thu số 0006586 ngày 20/01/2021.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bên đương sự (nguyên đơn, bị đơn) biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt./.

Trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hữu Nường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Hữu Nường

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Nường

\

